

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày 01-7-2020

V/v tranh chấp về ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đức

2. Ông Nguyễn Hoài Phương

- Thư ký phiên tòa: ông Nông Đình Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 01-6-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 16-6-2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Lê Thị T, sinh năm 1975; có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Lê Đình K, sinh năm 1972; vắng mặt lần 2 không lý do.

Cùng địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Lê Thị T trình bày: chị (T) và anh Lê Đình K kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 31-5-1994 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn T, huyện T Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc.

Khoảng tháng 11 năm 2015, do ghen tuông, anh K bạo lực gia đình, đánh đập chị nhiều lần; mâu thuẫn về tiền bạc. Chị T xác định tình cảm vẫn còn nhưng do sự ghen tuông và bạo lực của anh K nên mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: xin được ly hôn với anh K.
- Về con chung: có hai con chung tên Lê Thị Thủy V, sinh ngày 20-12-1994 và Lê Đình P, sinh ngày 02-02-1997 trên 18 tuổi nên không đề cập.
- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Đình K trình bày: anh (K) thừa nhận việc đăng ký kết hôn như chị T đã nêu; thừa nhận có bạo lực gia đình, tuy nhiên vẫn xác định tình cảm vợ, chồng vẫn còn và mong muốn đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Đình K; về con chung: các con đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:* chị Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con với anh Lê Đình K; chị T và anh K có đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp về ly hôn*"; anh K có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị T, thấy rằng:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Lê Thị T và anh Lê Đình K kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 31-5-1994 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là hợp pháp và có thật. Do anh K không quan tâm, bạo lực gia đình, tính tình không hợp. Quá trình giải quyết vụ án, anh K đã được triệu tập hợp lệ để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng không tham gia, điều này thể hiện cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* các con chung của chị T và anh K đều trên 18 tuổi nên không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] *Về án phí:* nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Đình K.

1.2. Về con chung: không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000965, ngày 13-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; chị T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn T, huyện T,
tỉnh Thanh Hóa, (để vào sổ Hộ tịch);
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh